

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2024

V/v tranh chấp “Chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Dũng.

- Ông Trần Văn Nhu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Bà
Huỳnh Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân
huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2023/TLST-HNGĐ
ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng
sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Tiến T**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Phạm Bùi Hải T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG.

2/ Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn YM, xã HS, huyện NC, tỉnh TH.

3/ Anh **Huỳnh Phạm Ngọc S**, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Tiến T trình bày:* Ông T với bà H là vợ chồng đã được Toà án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo quyết định số 217/2014/QĐST – HNGĐ ngày 07/11/2014, còn về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Ngày 30/10/2014, Ông T với bà H lập tờ thỏa thuận phân chia tài sản đối với tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m² tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên, chia mỗi người ½ diện tích đất, sau khi hai bên đã thỏa thuận chia Ông T đã ngăn vách và mỗi người sử dụng phần đất được chia, nhưng không làm thủ tục cấp giấy được do bà H không về ký tên.

Nay Ông T yêu cầu Toà án giải quyết chia ½ tài sản chung với bà H là quyền sử dụng đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m² tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên, vị trí giáp với đất ông Lê Văn Thích.

- *Bị đơn bà Bùi Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phạm Bùi Hải T: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Bà Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Phạm Ngọc S trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 205, diện tích 155m² và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG là tài sản của ông Phạm Tiến T và bà Bùi Thị H, nên không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè không có kiến nghị khắc phục gì.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến T được chia ½ tài sản chung đối với thửa đất số 205, diện tích 155m² và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Phạm Hải Thanh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do; Bà Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Phạm Ngọc S có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Phạm Tiến T khởi kiện bị đơn bà Bùi Thị H tranh chấp "Chia tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn", bà Hồng có địa chỉ cư trú tại ấp Hoà Phúc, xã Hoà Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cho thấy ông Phạm Tiến T và bà Bùi Thị H là vợ chồng, đã được Tòa án quyết định cho ly hôn nhưng chưa xem xét giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Theo Ông T trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm có: Thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m² và căn nhà gắn liền trên đất, tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên;

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của Ông T được chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m² và căn nhà gắn liền trên đất nêu trên là có căn cứ. Bởi lẽ, tại tờ thoả thuận ngày 30/10/2014 Ông T và bà H đã thống nhất tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m² tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên và căn nhà bán kiên cố diện tích 6m x 15 m gắn liền trên đất. Hai bên đã thoả thuận chia mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất gắn liền nhà ở và sau khi thoả thuận phân chia xong, Ông T và bà H đã ngăn vách đồng thời sử dụng phần tài sản của mình được chia từ đó cho đến nay ổn định, không có ai tranh chấp.

Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ xác định phần đất hiện Ông T đang quản lý sử dụng có diện tích thực đo là 88,2m² (Ký hiệu T – 1 + T – 2 + T – 3 + T – 4 + T – 5 + T – 6); Phần đất bà H đang quản lý sử dụng có diện tích thực đo là 82,5m² (Ký hiệu T – 7 + T – 8 + T – 9 + T – 10 + T – 11 + T – 12), lẽ ra cần xem xét lại phần diện tích chênh lệch bên Ông T quản lý sử dụng nhiều hơn so với bà H, nhưng xét thấy diện tích chênh lệch không đáng kể và hai bên đã thoả thuận phân chia, ngăn vách sử dụng ổn định từ lâu nên công nhận theo hiện trạng các bên sử dụng là phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông T và bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định phần tài sản của Ông T được chia có giá trị như sau:

Phần đất $88,2\text{m}^2 \times 6.250.000\text{đ}/\text{m}^2$ (Giá thị trường chuyển nhượng tại địa phương đất cùng loại) = $551.250.000\text{đ} + 101.604.362\text{đ}$ (Trị giá căn nhà Ông T mới xây dựng). Tổng cộng là $652.854.362\text{đ}$. Ông T là đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho Ông T.

Phần tài sản bà H được chia có giá trị là: $82,5\text{m}^2 \times 6.250.000\text{đ}/\text{m}^2$ (Giá thị trường chuyển nhượng tại địa phương đất cùng loại) = $515.625.000\text{đ} + 13.493.872\text{đ}$ (Trị giá căn nhà cũ do Ông T và bà H xây dựng). Tổng cộng là $529.118.872\text{đ}$. Như vậy, bà H phải chịu án phí sơ thẩm là $529.118.872\text{đ} \times 5\% = 26.456.000\text{đ}$.

[5] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận việc Ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã thực hiện xong.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Đại diện Việt kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến T.

- Công nhận tờ thoả thuận phân chia tài sản ngày 30/10/2014 giữa ông Phạm Tiến T và bà Bùi Thị H.

+ Chia cho ông Phạm Tiến T phần đất có diện tích thực đo là $88,2\text{m}^2$ (Ký hiệu T – 1 + T – 2 + T – 3 + T – 4 + T – 5 + T – 6) thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m^2 , tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên và căn nhà gắn liền trên đất (Phần đất và nhà hiện Ông T đang quản lý sử dụng).

+ Chia cho bà Bùi Thị H phần đất có diện tích thực đo là $82,5\text{m}^2$ (Ký hiệu T – 7 + T – 8 + T – 9 + T – 10 + T – 11 + T – 12) thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ số HKC5, diện tích 155m^2 , tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG do UBND

huyện Cái Bè cấp ngày 20/02/2009 cho ông Phạm Tiến T đại diện hộ gia đình đứng tên và căn nhà gắn liền trên đất (Phần đất và nhà hiện bà H đang quản lý sử dụng).

(Phần đất Ông T và bà H được chia có sơ đồ đo đạc của Liên danh Công ty TNHH MTV Đo Đạc Phúc Thành và Công ty TNHH Đo Đạc Đông Hải ngày 21/12/2023 chi tiết kèm theo)

- Ông Phạm Tiến T và bà Bùi Thị H được quyền liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí sơ thẩm cho ông Phạm Tiến T.

2.2. Bà Bùi Thị H phải chịu 26.456.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 29/5/2024, có mặt Ông T; vắng mặt bà H, bà Tâm, anh Thanh, anh Sơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

